

Tư tưởng triết học của C.Mác về bản chất con người trong “Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844”

Nguyễn Thị Thu Hoàng*

Nhận ngày 11 tháng 6 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 11 năm 2024.

Tóm tắt: Vấn đề bản chất con người luôn là chủ đề mà các triết gia tranh luận. Trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, C.Mác đã kế thừa và phát triển những tư tưởng của Hê-ghe-n và Phoi-ơ-bắc về bản chất con người. Tuy nhiên, ông đã từ bỏ quan điểm về “tinh thần trừu tượng” của Hê-ghe-n và bản chất “loài” xa rời thực tế của Phoi-ơ-bắc, đồng thời đưa ra tư tưởng của mình về bản chất của con người. Dựa trên nguyên tắc khách quan, C.Mác cho rằng, bản chất của con người là hoạt động tự do và có ý thức. Trên cơ sở phân tích nguồn gốc lý luận của tư tưởng C.Mác về bản chất con người trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, bài viết làm sáng tỏ tư tưởng của C.Mác về bản chất con người; từ đó chỉ ra ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của tư tưởng này.

Từ khóa: C.Mác, bản chất con người, tư tưởng triết học.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: The issue of human nature has always been a topic of debate among philosophers. In the work “Economic and Philosophic Manuscripts of 1844”, Karl Marx inherited and developed the ideas of G.W.F. Hegel and Feuerbach regarding human nature. However, he rejected the former's notion of “abstract spirit” and the latter's notion of “the nature of species-being” that was detached from reality, while presenting his own ideas on human nature. Based on the principle of objectivity, K. Marx asserted that the nature of human beings is free and conscious activity. This article analyzes the theoretical origins of his ideas on human nature in the work “Economic and Philosophic Manuscripts of 1844”, and bases on it to examine his views on human nature, and thereby highlights the theoretical and practical significance of these ideas.

Keywords: K. Marx, human nature, philosophical thought.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Việc nghiên cứu về bản chất, vai trò và vị trí của con người trong mối liên hệ với thế giới khách quan, với xã hội và với chính bản thân con người luôn là vấn đề mà các triết gia không ngừng tranh luận trong suốt chiều dài lịch sử tư tưởng triết học. Ngay từ thời Hy Lạp cổ đại, các nhà triết học đã thảo luận về bản chất con người. Điều này được thể hiện rõ trong quan điểm “nhận thức chính mình” của Xô-crát. Tiến bộ hơn, A-ri-x-tốt đã chỉ ra sự khác biệt giữa con người với tất cả các loài động vật khác khi cho rằng: “Con người tự bản chất là một động vật chính trị” (Do Thị Thuy Trang, 2022), tồn tại với tư cách là một bộ phận gắn bó, không thể tách rời của nhà nước. Khi bản chất con người được xem xét dưới ánh sáng của lý trí và đề cao khả năng lý tính của con người, Đề-các-tơ đã khẳng định: “Tôi tư duy nên tôi tồn tại” (Descartes, 1984: 136). Hai quan điểm ảnh hưởng trực tiếp đến việc luận giải bản chất con người của C.Mác chính là quan điểm bản chất con người là “lao động tinh thần trừu tượng”

* Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
Email: nguyentthuong2507@gmail.com

của Hê-ghe-n và quan điểm bản chất “loài” của con người trong quan điểm của Phoi-ơ-bắc. Những quan điểm trên mặc dù đã thể hiện nhận thức riêng của mỗi triết gia về bản chất của con người nhưng lại mang tính hạn chế khi đã tách rời lịch sử xã hội, biệt lập và phiến diện. Cho đến khi triết học Mác ra đời mới khắc phục được tính phiến diện đó và tạo ra bước ngoặt trong việc luận giải một cách khoa học về sự vận động và phát triển của lịch sử xã hội nói chung, cũng như giải thích đúng đắn về bản chất con người nói riêng.

C.Mác cho rằng, động vật chỉ có thể di chuyển trong phạm vi do tự nhiên quy định và tuân theo bản năng của chính mình để tồn tại, chứ không phải là sống; còn con người có thể vượt qua phạm vi này, có thể tự lựa chọn và xác định mục tiêu, đồng thời nỗ lực hết mình vì mục tiêu đó. Đó là điểm khác biệt lớn nhất giữa con người và động vật. Tuy nhiên, dưới chế độ tư hữu tư liệu sản xuất của tư bản chủ nghĩa, loại hoạt động có thể phân biệt con người với động vật, tức là lao động, đã trở nên tha hóa, khiến con người không thể khẳng định được năng lực thực sự của mình trong lao động. Lao động chuyển từ tự do sang cưỡng bức, cuộc sống của con người biến thành sự tồn tại. Tất cả những điều này suy cho cùng là sự áp bức do chế độ tư hữu gây ra. Trong nghiên cứu của mình, Đặng Hữu Toàn đã nhấn mạnh rằng, xã hội tư bản hiện đại, cùng với nó là sự bất công và quan hệ bóc lột là nguyên nhân của sự tha hóa con người (Đặng Hữu Toàn, 2002). C.Mác cho rằng, chỉ khi thực hiện chế độ cộng sản chủ nghĩa mới có thể tìm ra con đường chân lý để phục hồi bản chất con người. Nhận xét về điều này, Trần Hữu Tiến đã khẳng định, sự ra đời học thuyết Mác đã góp phần xây dựng thế giới quan khoa học và trở thành vũ khí lý luận trong công cuộc đấu tranh giải phóng con người khỏi sự “tha hóa”, từng bước đưa con người từ “vương quốc của tất yếu” sang “vương quốc của tự do” (Trần Hữu Tiến, 1994: 79). Nghiên cứu bản chất con người trong triết học Mác, Vũ Thiện Vương cho rằng, bản chất con người - cái bản chất luôn tồn tại một cách hiện thực, với phương thức đặc thù là hoạt động có ý thức mà bằng hoạt động này, con người sáng tạo ra lịch sử (Vũ Thiện Vương, 2001: 98). Khi rút ra ý nghĩa của triết học Mác về bản chất con người, Hồ Sĩ Quý đã khẳng định chủ nghĩa Mác đã tạo ra bước ngoặt cách mạng trong quan niệm về con người và bản chất con người, về mối quan hệ con người - tự nhiên - xã hội, vị trí và vai trò của con người trong tiến trình phát triển lịch sử nhân loại và sự nghiệp giải phóng con người (Hồ Sĩ Quý, 2003: 121).

Trong phạm vi bài viết, tác giả đã xuất phát từ quan điểm bản chất con người của Hê-ghe-n và Phoi-ơ-bắc với tư cách là nguồn gốc lý luận trực tiếp cho sự ra đời của triết học Mác về bản chất con người. Bài viết đã làm sáng tỏ bản chất con người trong triết học Mác ở hai phương diện: (1) Con người là thực thể sinh học có ý thức; (2) Con người là thực thể sinh học có tính xã hội. Mục đích của bài báo làm rõ bản chất con người trong triết học Mác là sự thống nhất giữa tự nhiên và xã hội, thụ động và chủ động, bản chất loài và bản chất cá nhân, là hoạt động tự do và có ý thức của con người. Đóng góp của bài viết là thông qua việc làm sáng tỏ quan niệm của triết học Mác về bản chất con người, bài viết đã góp phần khẳng định sự kế thừa là quy luật tất yếu trong sự phát triển của lịch sử tư tưởng nhân loại; khẳng định tính chất duy vật triệt để của triết học Mác khi phân tích bản chất con người trên cơ sở lao động thực tiễn; việc khẳng định ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của triết học Mác về bản chất con người giúp chúng ta củng cố niềm tin, kiên trì với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa.

Những luận giải khoa học về bản chất con người được C.Mác thể hiện tập trung trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*. Do đó, chúng tôi đã dựa vào các tác phẩm kinh điển trong C.Mác và Ăngghen toàn tập, mà trực tiếp là tập 42 (C.Mác và Ph.Ăngghen, t.42, 2000) để làm tư liệu nghiên cứu.

2. Nguồn gốc lý luận tư tưởng của C.Mác về bản chất con người trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*

Một trong những nguồn gốc quan trọng của tư tưởng triết học Mác là triết học cổ điển Đức. Hầu hết những tư tưởng của C.Mác về bản chất con người đều được kế thừa từ Hê-ghe và Phoi-ơ-bắc. Chẳng hạn, quan điểm “bản chất của con người là lao động”, “lý thuyết đối tượng hóa”, “sự tha hóa lao động” của Hê-ghe và quan điểm về “loài” của Phoi-ơ-bắc. Hê-ghe cho rằng, bản chất của con người là lao động, nhưng lao động này là lao động thuần túy tinh thần và không liên quan gì đến sản xuất (Bock, J. Technology, 2021: 1263-1285). Ông nhấn mạnh, tinh thần là xuất phát điểm của toàn bộ quá trình tiến hóa của tồn tại, trải qua thực tiễn, tinh thần của con người cuối cùng trở thành “tinh thần tuyệt đối”. Phoi-ơ-bắc cho rằng, bản chất của con người là “loài”, nhưng ông không đặt bản chất của “loài” trong lịch sử xã hội để nhìn nhận. C.Mác đã kế thừa quan điểm này và làm phong phú nội hàm của “loài” trên cơ sở kế thừa bản chất của “loài”.

2.1. Kế thừa có phê phán triết học Hê-ghe

Hê-ghe cho rằng, bản chất của con người là tự ý thức. Ngay trong Lời nói đầu của *Hiện tượng học tinh thần*, ông đã viết: “Tinh thần không bao giờ đứng yên, trái lại, luôn ở trong dòng vận động tiến lên không ngừng... Tinh thần tự đào luyện mình chín muồi chậm chạp và âm thầm hướng đến một hình thái mới, phá vỡ lần lượt từng bộ phận trong một tòa nhà của thế giới trước đây của nó” (G.W.F.Hê-ghe, 2012: 20). Vốn là nhà triết học duy tâm, khi lý giải về cá nhân, xã hội và lịch sử, Hê-ghe đã dành cho “tinh thần” nói riêng, triết học tinh thần nói chung một vai trò đặc biệt trong hệ thống triết học của ông, trong đó “tinh thần” phải trải qua quá trình tự vận động và phát triển đầy “khổ đau” và “bi đát” để vươn tới “tinh thần tuyệt đối”. Con người hiểu được “tinh thần tuyệt đối” thông qua thực tiễn; quá trình nhận thức tinh thần tuyệt đối là quá trình hiểu được sự tự nhận thức. Theo Hê-ghe, bản chất con người là biến “ý thức” thành “tự ý thức” dưới sự kiểm soát của tinh thần, từ đó con người nhận thức được bản chất của chính mình. Ở Hê-ghe, bản chất của con người là lao động, nhưng điều này không mâu thuẫn với sự tự nhận thức vì loại lao động này là một loại lao động tinh thần.

Trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, C.Mác đã ca ngợi Hê-ghe vì đã nắm bắt được bản chất của lao động và hiểu được rằng con người khách quan, con người thực là kết quả lao động của chính anh ta. Tuy nhiên, khái niệm lao động trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844* không hoàn toàn đồng tình với quan điểm của Hê-ghe. C.Mác chỉ ra rằng, “tính phiến diện và hạn chế” của Hê-ghe nằm ở chỗ: “Hê-ghe đứng trên quan điểm kinh tế chính trị học hiện đại. Ông coi lao động là bản chất của con người; ông chỉ nhìn thấy phương diện khẳng định, chứ không nhìn thấy phương diện phủ định của lao động. Lao động là sự sinh thành vì mình của con người trong khuôn khổ sự tha hoá, hoặc với tính cách là con người bị tha hoá. Hê-ghe chỉ biết và thừa nhận một thứ lao động, cụ thể là lao động *tinh thần trừu tượng*” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2000: 347).

C.Mác cho rằng, “thứ nhất, giới tự nhiên là tư liệu sinh sống trực tiếp đối với con người, và thứ hai là giới tự nhiên là vật liệu, đối tượng và công cụ của hoạt động sinh sống của con người” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2000: 255). Thế giới tự nhiên là đối tượng lao động của con người, sự tự ý thức được thể hiện thành tinh thần tuyệt đối, con người thực hiện các hoạt động trong tự nhiên, biến đổi tự nhiên, nhận thức được tinh thần tuyệt đối, từ đó sáng tạo ra bản chất của con người. Chính vì vậy, C.Mác nói: “Hê-ghe xem xét sự tự sản sinh của con người như là một quá trình, xem xét sự đối tượng hoá như là sự phân hoá đối tượng, như là

sự tha hoá và sự tước bỏ sự tự tha hoá ấy, do đó ông nắm lấy bản chất của lao động và hiểu con người đối tượng, con người chân chính, vì có tính chất hiện thực, là kết quả của lao động của bản thân con người” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2000: 346).

Trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, C.Mác đã tiếp thu quan điểm bản chất con người là “sự tự ý thức” và bản chất của con người là “lao động” của Hê-ghe, miêu tả bản chất của con người là “hoạt động có ý thức tự do”. Tuy nhiên, nhận thức của C.Mác về bản chất con người còn sâu sắc hơn Hê-ghe khi ông định nghĩa lao động là lao động sản xuất vật chất, từ đó thoát khỏi màu sắc duy tâm trong khái niệm “lao động tinh thần trừu tượng” của Hê-ghe (Boshu, 1987: 463-474).

Ngoài ra, theo quan điểm của Hê-ghe, ý thức có trước; còn ở C.Mác, hoạt động sống mới là cái có trước; hoạt động sống quy định sự tồn tại của con người, và con người lại theo đuổi hoạt động sống để có thể khẳng định được sức mạnh của chính mình. Có thể nói, trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, đóng góp lớn của C.Mác là đã dành cho lao động một vị trí quan trọng và gắn lao động với “bản chất con người”.

2.2. Kế thừa có phê phán triết học Phoi-ơ-bắc

Phoi-ơ-bắc gọi triết học của mình là nhân bản học, tức là học thuyết về con người. Ông lấy con người làm điểm khởi đầu cho các nghiên cứu và nhấn mạnh rằng, bản chất của con người chủ yếu là bản chất tự nhiên của họ. Nếu như con người trong quan niệm của Hê-ghe trừu tượng, thần bí, chung chung, như một lực lượng siêu nhiên sáng tạo ra hiện thực (Wolf, W. Clark, 2018: 331-70) thì con người trong triết học của Phoi-ơ-bắc là những con người hiện thực; bản chất con người là tổng thể các khát vọng, khả năng, nhu cầu, ham muốn và khả năng tưởng tượng của anh ta. Phoi-ơ-bắc có ba cách hiểu về “bản chất con người”: *Thứ nhất*, với tư cách là một bộ phận không thể thiếu của tự nhiên, con người có bản chất tự nhiên; *thứ hai*, con người có bản chất tôn giáo; *thứ ba*, con người có bản chất xã hội.

Phoi-ơ-bắc cũng chỉ trích quan điểm duy tâm của Hê-ghe coi “sự tự ý thức” là chủ thể và đưa ra quan điểm cho rằng con người là con người cảm tính. Ông tán thành quan điểm của Hê-ghe về đặc tính phổ biến “loài”, cá thể thực hiện bản chất của chính mình trong “loài”. Chỉ có điều Phoi-ơ-bắc cho rằng, “bản chất loài” này của con người là một thuộc tính tự nhiên, con người là một phần của tự nhiên, là những sinh vật có cảm tính. C.Mác cho rằng, “loài” trong quan điểm của Phoi-ơ-bắc chỉ đặc trưng giống nhau của con người. Ông viết “ở Phoi-ơ-bắc, bản chất con người chỉ có thể được hiểu là “loài”, “là tính phổ biến nội tại, cảm, gắn bó một cách thuần túy tự nhiên đồng đảo cá nhân với nhau” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2000: 345). Phoi-ơ-bắc không phân biệt “loài” con người với “loài” động vật. Ông không thể sử dụng những bằng chứng thực tế làm cơ sở để giải thích tại sao con người lại là con người. Ông chỉ có thể dùng các khái niệm như “tình yêu” và “nghị lực”, “lý tính” để xác định “bản chất loài” của con người. Tuy nhiên, những khái niệm này không thực tế bởi Phoi-ơ-bắc không đặt chúng vào quá trình phát triển lịch sử và xã hội cụ thể của con người.

Phoi-ơ-bắc xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa duy vật, nhưng cuối cùng đã chuyển sang chủ nghĩa duy tâm. Điều này là do Phoi-ơ-bắc đã khiến “con người trừu tượng” của Hê-ghe hướng tới sự trừu tượng của chủ nghĩa duy tâm lịch sử, chẳng qua chỉ là chuyển từ sự trừu tượng này sang sự trừu tượng khác. Ông không tìm ra cách để “con người thuần túy” chuyển đổi thành “con người hiện thực”; trong khi đó, C.Mác lại nhìn thấy yếu tố “lao động” mà Phoi-ơ-bắc bỏ qua và cho rằng “bản chất loài” của con người chính là những hoạt động tự do và có ý thức.

C.Mác cho rằng, lao động của con người thực chất là một hoạt động xã hội. Con người không chỉ dựa vào thiên nhiên để có được những điều kiện sống cơ bản mà còn có thể thực hiện các hoạt động tự do và có ý thức một cách có mục đích và có ý thức. Con người không chỉ có nhu cầu sinh tồn để duy trì sự sống cơ bản mà còn phát triển nhiều mối quan hệ khác nhau. Bản chất con người là sự thống nhất giữa tự nhiên và xã hội, thụ động và chủ động, bản chất loài và bản chất cá nhân. Bản chất con người được xây dựng trên cơ sở lao động thực tiễn, như C.Mác nói là hoạt động tự do và có ý thức của con người.

3. Về bản chất con người trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*

3.1. Con người là thực thể sinh học có ý thức

Trước tiên, C.Mác luận chứng sự tồn tại khách quan của con người từ góc độ sản xuất vật chất, tức là tính tự nhiên của con người. C.Mác cho rằng, con người và thiên nhiên có mối liên hệ chặt chẽ với nhau; thiên nhiên cung cấp nền tảng ban đầu và sự đảm bảo để con người trở thành con người: “Về mặt thể xác thì ở con người cũng như ở con vật, đời sống có tính loài là ở chỗ con người (cũng như con vật) sống bằng giới tự nhiên vô cơ, và con người càng có tính phổ biến so với con vật thì phạm vi của giới tự nhiên vô cơ mà nó dựa vào để sống càng có tính phổ biến”, “thứ nhất, giới tự nhiên là tư liệu sinh sống trực tiếp đối với con người, và thứ hai là giới tự nhiên là vật liệu, đối tượng và công cụ của hoạt động sinh sống của con người” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2000: 255). C.Mác khẳng định, “con người là một bộ phận của giới tự nhiên”, con người là một sinh vật tự nhiên, con người nên hòa mình vào thiên nhiên, hòa nhập với thiên nhiên và trở thành một phần của thiên nhiên. Thiên nhiên cung cấp các phương tiện sản xuất, phương tiện sinh hoạt của con người, con người không thể phát triển và tồn tại độc lập dù chỉ một phút nếu không có thiên nhiên; thiên nhiên thỏa mãn những nhu cầu sinh học cho con người, cũng như các động vật khác. Như vậy, thiên nhiên cũng là tiền đề và nền tảng của sản xuất vật chất mà con người phụ thuộc vào để sinh tồn (Haojie Liu, 2023: 115-120).

C.Mác cũng cho rằng, bản chất con người là lao động sáng tạo, lao động có ý thức và có mục đích: “về thực tiễn cũng như về lý luận, con người biến loài, cả loài của chính mình cũng như loài của những vật khác, thành vật của mình” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2000: 254). Ở đây, con người đã trở thành một thực thể loài và một thực thể có ý thức. Như vậy, các hoạt động hữu cơ của đời sống được kết nối một cách tự nhiên với những thứ mang yếu tố tinh thần của con người như tư duy, ý thức, khái niệm, ý chí; từ đó làm cho các hoạt động hữu cơ của con người trở thành hoạt động tự do và có ý thức. C.Mác cũng cho rằng, đặc điểm và bản chất quan trọng nhất của một loài là bản chất của các hoạt động sống của nó. Nói cách khác, đó là bản chất của “hoạt động sản xuất”. Con người có thể vượt qua được tính phiến diện và những hạn chế của sản xuất động vật: “Con vật chỉ xây dựng theo kích thước và nhu cầu của loài của nó, còn con người thì có thể sản xuất theo kích thước của bất cứ loài nào và ở đâu cũng biết vận dụng bản chất cố hữu của mình vào đối tượng; do đó con người cũng xây dựng theo các quy luật của cái đẹp” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2000: 257). Con người biến đổi và khai thác thế giới tự nhiên, là vì con người đã phá bỏ được sự bó buộc của các hoạt động bản năng động vật, khiến hoạt động sản xuất của con người trở nên có mục đích, có ý thức và có kế hoạch. Con người không những hiểu, làm quen và làm chủ được quy luật mà còn thích ứng, tuân theo và sử dụng quy luật để hoàn thiện bản thân, biến đổi thế giới tự nhiên, cuối cùng đạt được mục đích là mang lại lợi ích cho chính con người.

Điều phân biệt con người với các loài động vật khác là các hoạt động biến đổi thiên nhiên của con người có ý thức, có mục đích và có kế hoạch. Như C.Mác đã nói: “Hoạt động sinh sống

có ý thức phân biệt trực tiếp con người với hoạt động sinh sống của con vật. Chính vì thế mà con người là một sinh vật có tính loài” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2000: 256). Điều này cũng làm cho con người thoát khỏi những sự bó buộc của thiên nhiên, cho phép các hoạt động có ý thức của con người trở thành những hoạt động thực sự tự do. Lúc này, hoạt động thực tiễn của con người không còn chỉ là hoạt động sinh tồn theo bản năng động vật mà là sự chủ động tìm hiểu môi trường, thích nghi với môi trường và cải tạo môi trường một cách có ý thức.

Các loài động vật thường hòa nhập với các hoạt động sống của chúng, không có sự phân biệt; bản thân chúng chính là những hoạt động sống, và các hoạt động sống chính là bản thân chúng. Con người không chỉ nhận thức được sự tồn tại khách quan của tự nhiên mà còn có thể điều khiển một cách có ý thức các công cụ sản xuất, thực hiện các hoạt động thực tiễn một cách linh hoạt, “toàn bộ cái gọi là lịch sử toàn thể giới chẳng qua chỉ là sự sáng tạo con người kinh qua lao động của con người, sự sinh thành của tự nhiên cho con người” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2000: 302).

3.2. Con người là thực thể sinh học có tính xã hội

C.Mác cho rằng, bản chất của con người là những nhu cầu đa dạng của con người, không chỉ bao gồm nhu cầu sinh tồn để duy trì sự sống mà còn bao gồm nhu cầu phát triển và nhu cầu hưởng thụ để nâng cao ý nghĩa của cuộc sống. Con người không chỉ là sinh vật bằng xương bằng thịt mà còn là sinh vật tự nhiên và là một bộ phận của tự nhiên, thể hiện những đặc tính của tự nhiên và hoạt động trong tự nhiên. Để tồn tại và phát triển, con người phải đáp ứng các nhu cầu của mình về lương thực, quần áo, nhà ở và phương tiện đi lại; những thứ này con người khó có thể phát minh hoặc sáng tạo nếu không có sự hỗ trợ của giới tự nhiên. Con người sinh ra dựa vào thiên nhiên, mặc dù thiên nhiên không cấu thành nên cơ thể hữu cơ của con người, nhưng xét về vai trò và sự đóng góp của nó thì có thể coi thế giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người. Chính giới tự nhiên tạo ra con người, hoàn thiện và phát triển con người (Paulsantilli, 1973: 76-88). Giới tự nhiên tạo điều kiện cho sự ra đời, phát triển và tiến hóa của con người, như C.Mác đã nói: “Giới tự nhiên - cụ thể là cái giới tự nhiên trong chừng mực bản thân nó không phải là thân thể của con người - là thân thể vô cơ của con người. Con người sống bằng giới tự nhiên” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2000: 255).

C.Mác cho rằng, con người muốn theo đuổi nhu cầu phát triển, đặc biệt là nhu cầu hưởng thụ thì phải có các mối quan hệ và sự giao lưu đa dạng với người khác và với xã hội. Nói cách khác, nhu cầu phát triển của con người được thể hiện ở bản chất xã hội của con người. Con người là sự tổng hợp của các sinh vật tự nhiên và xã hội, bản chất tự nhiên và xã hội của con người giao thoa và hòa nhập với nhau. C.Mác đã vượt xa tư tưởng triết học của Phoi-ơ-bắc, luận giải mối quan hệ giữa con người với con người từ góc độ con người trừu tượng, C.Mác chỉ ra con người ở đây là con người hiện thực. C.Mác cho rằng, con người là một thực thể xã hội; thông qua việc phê phán gay gắt đối với chế độ tư hữu và sự tha hóa lao động, ông đã đưa con người trở lại với ý thức xã hội như tôn giáo, gia đình và nhà nước, đồng thời nêu ra “bản chất thực sự” của con người.

Hoạt động của con người thống nhất trong hoạt động xã hội, con người không thể tồn tại độc lập với xã hội. Xã hội được tạo thành bởi các cá nhân, và sự tồn tại của các cá nhân dựa trên những điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại của những người khác (Sowell, Thomas, 1963: 119-25). C.Mác cũng cho rằng, nếu một người muốn xác nhận và thể hiện sự tồn tại của mình, anh ta cần sử dụng sự tồn tại của người khác như một sự xác nhận; sự tồn tại của người khác là điều kiện và cơ sở để tạo nên sự tồn tại của anh ta, và sự tồn tại của anh ta cũng là sự phản ánh và bảo đảm cho sự tồn tại của người khác. Như vậy, không có sự tách biệt, cô lập giữa

con người với nhau, họ tương tác, ảnh hưởng lẫn nhau và không thể tách rời; như C.Mác nói: “Bản chất con người của tự nhiên chỉ tồn tại đối với con người xã hội; vì chỉ có trong xã hội, tự nhiên đối với con người mới là một cái khâu liên hệ con người với con người, mới là tồn tại của con người đối với người khác và tồn tại của người khác đối với người đó, mới là nhân tố sinh hoạt của hiện thực con người; chỉ có trong xã hội, tự nhiên mới biểu hiện ra là cơ sở của tồn tại có tính chất người của bản thân con người. Chỉ có trong xã hội, tồn tại tự nhiên của con người mới là tồn tại có tính chất người của con người đối với con người và tự nhiên mới trở thành con người đối với con người” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2000: 290). Chỉ trong các mối quan hệ xã hội khác nhau, con người mới có thể khám phá và biết đến sự tồn tại của chính mình; nếu không, con người sẽ không thể tồn tại và không có bất kỳ giá trị nào.

C.Mác cho rằng, phương thức sản xuất và sự sinh tồn của con người không thể tách rời khỏi xã hội: “Hoạt động và sự hưởng dụng những thành quả của hoạt động, xét theo nội dung của nó cũng như xét theo phương thức tồn tại, đều mang tính chất xã hội: hoạt động xã hội và hưởng dụng xã hội” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2000: 289-290). C.Mác chỉ ra rằng, ngay cả những người gần như bị cô lập với thế giới như Robinson Crusoe thì hoạt động và sự hưởng dụng của họ cũng mang tính xã hội. C.Mác cũng đưa ra một phép loại suy với chính mình, chỉ ra rằng tuy tham gia vào công việc nghiên cứu khoa học tương đối độc lập, ít khi tiếp xúc trực tiếp và giao tiếp trực tiếp với người khác, nhưng ông cũng có tính xã hội; bởi vì những vật chất ông cần cho sự sinh tồn của bản thân, những công cụ ông cần để sinh hoạt, thậm chí cả hình thức ngôn ngữ và phương thức diễn đạt đều có quan hệ mật thiết với xã hội, đều mang tính xã hội. Những tác phẩm ông tạo ra, những phát ngôn được đưa ra và những quan điểm được phân tích sẽ quay trở lại với xã hội và tác động đến những người khác trong xã hội. Như vậy, hoạt động của con người có tính xã hội và được thực hiện trong các mối quan hệ đan xen với nhau và với xã hội.

4. Ý nghĩa của tư tưởng về bản chất con người trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*

4.1. Ý nghĩa lý luận

Thứ nhất, trên cơ sở phát triển tư tưởng của Hê-ghe và Phoi-ơ-bắc, tư tưởng về bản chất con người trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844* đã làm phong phú và phát triển hệ thống lý luận duy vật lịch sử của triết học Mác. C.Mác kế thừa nhận thức khoa học và hiểu biết đúng đắn về chủ nghĩa duy vật mà Phoi-ơ-bắc đề cao trong lĩnh vực tự nhiên, đồng thời mở rộng sang lịch sử xã hội, một lĩnh vực đã bị hạn chế từ thời Trung cổ. Nhờ đó, ông đã thoát khỏi sai lầm trong nhận thức về sự phát triển của lịch sử xã hội, phát hiện ra bản tính xã hội của con người, xác lập vai trò quyết định của các mối quan hệ xã hội giữa con người với con người trong bản chất con người; đồng thời phá bỏ những hạn chế của chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm nguyên thủy về bản chất con người, thay thế “con người trừu tượng” bằng “con người hiện thực”, thay “lao động tinh thần” trừu tượng bằng “hoạt động lao động sản xuất” duy vật và hiện thực. Như vậy, lao động trên cơ sở thực tiễn mới là lao động đúng nghĩa và quy định bản chất của con người. Điều này cũng tránh được sự hiểu lầm về “sự tự ý thức” của Hê-ghe, vượt qua những hạn chế của chủ nghĩa tự nhiên trong “tồn tại loài” của Phoi-ơ-bắc, kế thừa và phát triển, đổi mới các tư tưởng của các nhà triết học đi trước. C.Mác đã xác lập được vai trò của thực tiễn trong xã hội loài người, thiết lập một quan điểm mới về tính xã hội của con người, đặt nền tảng lý luận cho sự phát triển và hoàn thiện của chủ nghĩa duy vật lịch sử, đồng thời làm phong phú thêm hệ thống tư tưởng và lý luận về chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác.

Thứ hai, xây dựng một hệ thống tư tưởng trong đó con người và giới tự nhiên thống nhất, tính chủ quan và thực tiễn khách quan của con người thống nhất, hoàn thiện hơn nữa những tư tưởng cốt lõi của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác. Giới tự nhiên là tiền đề tự nhiên và điều kiện cần thiết cho quá trình sản xuất và sự tồn tại của con người. Con người hòa nhập với thiên nhiên và là một phần của giới tự nhiên. Thiên nhiên là nguồn cung cấp trực tiếp những vật chất cần thiết cho sự tồn tại của con người, đồng thời là công cụ và đối tượng để con người tham gia vào hoạt động sản xuất. Vì vậy, con người phải điều tiết tốt mối quan hệ với thiên nhiên trong sự phát triển của chính mình, duy trì sự lành mạnh và ổn định của thiên nhiên, quan tâm đến khả năng chịu đựng của thiên nhiên và chú ý đến nhu cầu của thiên nhiên, bởi theo quan điểm của C.Mác, khả năng sáng tạo và khả năng biến đổi tự nhiên của con người ngày càng hoàn thiện thông qua hoạt động sản xuất (Kim, Joan & Betz, Nicole & Helmuth, Brian & Coley, John, 2023).

Thứ ba, tư tưởng về bản chất con người trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844* đã đặt nền tảng lý luận cho việc hình thành tư tưởng triết học Mác về con người. Trong tác phẩm này, từ góc độ logic biện chứng giữa sở hữu tư nhân và phân công lao động, C.Mác xoay quanh vấn đề “tha hóa lao động” nhằm vạch trần công cụ tư tưởng của chủ nghĩa tư bản và khẳng định cần xây dựng “chủ nghĩa cộng sản” với mục tiêu cuối cùng là theo đuổi sự giải phóng toàn nhân loại. Liên quan đến vấn đề tha hóa của con người, C.Mác đã phân tích từng lớp gốc rễ của chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, đi tìm nguồn gốc của sự tha hóa giữa con người với nhau, hy vọng loại bỏ hiện tượng tha hóa và nhiều vấn đề do sự tha hóa gây ra; thức tỉnh ý thức về sự tự do của nhân loại, để thực hiện sự phát triển tự do, toàn diện và giải phóng hoàn toàn đối với con người. Trong học thuyết về chủ nghĩa cộng sản, C.Mác đã đi sâu phân tích mối quan hệ giữa tư bản, tiền lương, địa tô và lao động, dần hé lộ những bí mật về vốn và địa tô ẩn sau tiền lương, đồng thời giải thích chi tiết sự tiến bộ của công nghệ và đời sống con người và lòng tham vô hạn đối với lợi nhuận tư bản đã làm cho con người mất đi giá trị cá nhân như thế nào; đây cũng là khái niệm cốt lõi và quan điểm cơ bản trong tư tưởng của C.Mác về con người. Cuối cùng, C.Mác đã cho rằng, việc giải quyết vấn đề tha hóa lao động và hiện thực hóa chủ nghĩa cộng sản là nhất quán về nội dung và mục đích; cả hai đều nhằm mục đích hiện thực hóa các hoạt động tự do và có ý thức của con người, thực hiện sự phát triển toàn diện và giải phóng hoàn toàn đối với con người.

4.2. Ý nghĩa thực tiễn

Thứ nhất, tư tưởng của C.Mác về bản chất con người trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844* giúp chúng ta củng cố lý tưởng, niềm tin vào chủ nghĩa cộng sản, hiểu được mục đích cốt lõi của chủ nghĩa xã hội và kiên trì con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Về mặt lý luận, C.Mác đã phân tích và chứng minh rằng chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa là nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự tha hóa của bản chất con người, từ đó mâu thuẫn giữa sự tha hóa của bản chất con người với sự tiến bộ của xã hội ngày càng trở nên gay gắt, dẫn đến xa rời bản chất của hoạt động tự do và có ý thức của con người. Vì vậy, chỉ bằng cách tích cực xóa bỏ chế độ tư hữu, chỉ bằng cách loại bỏ hoàn toàn sự tha hóa lao động của con người, và chỉ bằng cách lật đổ hoàn toàn chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa mới có thể khôi phục hoàn toàn các hoạt động tự do và có ý thức của con người.

Mục đích và giá trị cao nhất của việc theo đuổi lý tưởng cộng sản chủ nghĩa là giải phóng con người. Theo quan điểm của C.Mác, chỉ trong điều kiện của chủ nghĩa cộng sản, khi chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất bị xóa bỏ, mới có thể xóa bỏ tính chất tha hóa của lao động, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện; và mục tiêu của C.Mác không

chỉ đối với con người cá nhân, mà là với toàn thể nhân dân. Chính vì thế, tư tưởng của C.Mác về bản chất con người giúp chúng ta kiên trì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa. Đảng viên, cán bộ cần tiếp tục học tập, quán triệt lý luận chủ nghĩa Mác, củng cố niềm tin, kiên trì theo đuổi mục tiêu của người cộng sản, đề cao tôn chỉ cơ bản là hết lòng phục vụ nhân dân, lấy lợi ích thiết thực của nhân dân làm trung tâm, trọng tâm của mọi công việc, phấn đấu thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Thứ hai, tư tưởng của C.Mác về bản chất con người trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844* là cơ sở hình thành quan điểm phát triển “lấy con người làm trung tâm”. Tư tưởng của C.Mác về bản chất con người giải thích các nhu cầu xã hội, tự do và sự giải phóng của con người, mô tả xã hội lý tưởng trong tương lai của con người; đồng thời luận giải về vai trò, chức năng của thực tiễn và ý nghĩa bản chất sáng tạo của con người. Đây chính là cơ sở lý luận cho việc hình thành quan điểm phát triển “lấy con người làm trung tâm” của Đảng ta, như văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã viết: “Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” và “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.1: 27-28).

Chỉ khi hiểu được rằng đảng viên, cán bộ là “người đầy tớ của nhân dân” mới có thể thực sự hiểu được mối quan hệ mật thiết, máu thịt giữa Đảng và nhân dân. Chỉ khi thấy được vai trò chủ đạo và ý nghĩa quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử, biết rằng lịch sử là do quần chúng nhân dân tạo ra mới có thể cam kết đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết và đáp ứng những mong muốn về cuộc sống tốt đẹp hơn của nhân dân.

Thứ ba, tư tưởng của C.Mác về bản chất con người trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844* là nền tảng triết học, nguồn động lực để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa mà ở đó lợi ích của cá nhân, tập thể và quốc gia là nhất quán. Sự phát triển của xã hội đòi hỏi con người phải nhận thức rằng lợi ích cá nhân, tập thể, quốc gia về cơ bản là nhất quán và liên quan đến nhau; do đó cần kết hợp một cách hài hòa giữa mục tiêu cá nhân với mục tiêu chung của tập thể và lợi ích chung của quốc gia. Một xã hội phát triển hài hòa đòi hỏi chúng ta không chỉ không ngừng nâng cao năng suất lao động tổng thể, từng bước cải cách và đổi mới cơ chế nhằm thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, mà còn phải chú ý quan tâm đến việc bồi dưỡng các quan điểm về giá trị, đạo đức, tinh thần học tập và nhân cách của con người. Sự phát triển hài hòa của xã hội là nền tảng quan trọng và bảo đảm cho các hoạt động tự do, có ý thức của con người; và việc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa cũng nhằm hoàn thiện con người, giải phóng và phát triển con người.

Thứ tư, tư tưởng của C.Mác về bản chất con người trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844* là cơ sở hình thành quan điểm phát triển bền vững trên cơ sở tôn trọng thiên nhiên trong quá trình phát triển. Thiên nhiên đã sinh thành và nuôi dưỡng con người, do đó trước hết cần nhân mạnh và coi trọng sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên. Sự cộng sinh hài hòa, mối quan hệ không thể tách rời giữa con người và thiên nhiên đòi hỏi chúng ta phải phát triển khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, đồng thời chú trọng hơn nữa việc tôn trọng quy luật tự nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái và hình thành các ngành công nghiệp xanh; như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để đảm bảo môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường” (Nguyễn Phú Trọng, 2021).

5. Kết luận

Vấn đề bản chất con người luôn xuyên suốt trong quá trình phát triển tư tưởng triết học Mác và là cơ sở để hiểu chủ nghĩa Mác. Trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, C. Mác xuất phát từ việc tìm hiểu hoạt động thực tiễn, luận giải một cách toàn diện rằng bản chất con người là sự thống nhất giữa tính tự nhiên và xã hội, tính thụ động và chủ động, bản chất loài và bản chất cá nhân, là hoạt động tự do và có ý thức. Tư tưởng của C. Mác không chỉ có ý nghĩa lý luận trong việc đặt cơ sở và làm phong phú lý luận về con người của ông, mà còn có ý nghĩa trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Bock, J. Technology. (2021). *Freedom, and the Mechanization of Labor in the Philosophies of Hê-ghen and Adorno*. Philos. Technol. 34. tr.1263-1285. <https://doi.org/10.1007/s13347-021-00458-3>.
- Boshu. (1987). Z. Marxism and human sociobiology: A comparative study from the perspective of modern socialist economic reforms. *Biol Philos* 2. tr.463-474. <https://doi.org/10.1007/BF00127701>.
- C. Mác và Ph. Ăngghen Toàn tập. (2000). t.42. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Do Thi Thuy Trang. (2022). Aristotle's thought on citizenship and the historical lessons for building a socialist law-governed state in vietnam today, *Synesis*, v. 14, n. 2, p. 30-48. <https://seer.ucp.br/seer/index.php/synesis/article/view/2193/3296>
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. t.1. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đặng Hữu Toàn. (2002). Con người và bản chất con người trong quan niệm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác. *Tạp chí Nghiên cứu con người*. Số 1.
- G.W.F.Hê-ghen. (2012). *Hiện tượng học tinh thần*. (Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải). Nxb. Trẻ.
- Haojie Liu. (2023). Analysis of Marx and Engels' Views on Man and Nature. *Journal of Sociology and Ethnology*. Vol. 5. tr.115-120. <http://dx.doi.org/10.23977/jsoc.2023.050317>.
- Hồ Sĩ Quý. (2003). *Con người và Phát triển con người trong quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Kim, Joan & Betz, Nicole & Helmuth, Brian & Coley, John. (2023). *Conceptualizing Human-Nature Relationships: Implications of Human Exceptionalist Thinking for Sustainability and Conservation*. Topics in cognitive science. 15. 10.1111/tops.12653.
- Nguyễn Phú Trọng. (15/5/2021). Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. *Tạp chí Cộng sản điện tử*. https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK3lGf/content/mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-chu-nghia-xa-hoi-va-con-duong-di-len-chu-nghia-xa-hoi-o-viet-nam
- Paulsantilli. (1973). *Marx on Species-Being and Social Essence*. Studies in Soviet Thought 13, no. ½. tr. 76-88. <http://www.jstor.org/stable/20098547>.
- R. Descartes (translated by John Cottingham). (1984). *Meditations on First Philosophy, in The Philosophical Writings of Descartes*. vol. II. Cambridge University Press.
- Sowell, Thomas. (1963). *Karl Marx and the Freedom of the Individual*. Ethics 73, no. 2. <http://www.jstor.org/stable/2379553>
- Trần Hữu Tiến. (1994). *Vấn đề con người, cá nhân và xã hội trong học thuyết Mác*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Vũ Thiện Vương. (2001). *Triết học Mác-Lê-nin về con người và việc xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Wolf, W. Clark. (2018). Rethinking Hê-ghen's Conceptual Realism. *The Review of Metaphysics*. vol. 72, no. 2 (286). <https://www.jstor.org/stable/26633864>.